TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY ĐỨC** **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HSST
Ngày 18 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐĂK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Điểu Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Văn – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Hải N, sinh năm 1996 tại Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã Th, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: bon Đ, xã Qu, huyện T, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Làm nông; Quốc tịch: Việt N; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn H, sinh năm 1977 và bà Bế Thị H, sinh năm 1977; có vợ là Lý Thị L, sinh năm 1996 và 01 con, sinh năm 2019; được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại – có mặt.

Bị hại:

- Chị Lăng Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: bon Đ, xã Qu, huyện T, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt.

- Anh Lương Văn Đ, sinh năm: 1987; địa chỉ: bon Đ, xã Qu, huyện T, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ: Bản N, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt.

- Anh Giàng A D, sinh năm 1989; địa chỉ: Bản N, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 16/9/2020, Lê Hải N đi bộ qua nhà anh Lương Văn Đ và chị Lăng Thị H, trú tại bon Đ, xã Qu; N quan sát thấy nhà anh Đ, chị H đóng cửa, không có người trông coi nên N nảy sinh ý định trộm cắp. N đi về phía nhà bếp và nhìn qua khe cửa thì phát hiện trong nhà có 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupite màu đen bạc, biển kiểm soát 12T1- 8044 đang để ở phòng khách. N nhặt lấy 01 con dao rựa ở nhà anh Đ, dùng dao khoét 01 lỗ trên cánh cửa tôn nhà bếp, mở chốt cửa và đi vào bên trong nhà. N đi lên phòng ngủ lục tìm tài sản thì tìm được chiếc giỏ xách của chị H phát hiện có 130.000 đồng, N lấy cất vào người. N đi xuống phòng bếp lấy 01 tua vít và đi đến vị trí có chiếc xe mô tô, dùng tua vít để phá ổ khóa xe. N dắt xe ngoài, đề nổ xe rồi điều khiển xe vào Bản N, xã Đ cầm cho ông Giàng A D lấy số tiền là 1.200.000 đồng; N dùng số tiền trên đi mua ma túy và tiêu sài cá nhân hết.

Đến 17 giờ ngày 22/9/2020, N gặp anh Nguyễn Hoàng K (trú tại thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước) N nói với anh K đang cần bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, nên anh K đã giới thiệu cho anh Nguyễn Văn H (trú tại Bản N, Đắk Ngo) đến hỏi mua N chiếc xe với giá 2.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của anh H, N đến nhà ông Giàng A D chuộc lại chiếc xe với giá 1.300.000 đồng (gồm cả tiền lãi và tiền gốc) rồi giao xe cho anh H, số tiền có được N tiếp tục mua ma túy sử dụng hết.

Sau khi về nhà anh Lương Văn Đ và chị Lăng Thị H phát hiện bị mất trộm nên đã trình báo Công an huyện T. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện T, Lê Hải N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27/KL- HĐĐGTS ngày 15/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupite màu đen bạc biển kiểm soát 12T1- 8044 , số khung B940AY088984, số máy 5B94-088985 đã qua sử dụng có giá trị là 5.167.000 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupite màu đen bạc biển kiểm soát 12T1- 8044, 01 tua vít hình chữ " T" bằng kim loại màu trắng dài 10 cm, 01 dao rựa cán bằng tre dài 45cm.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên không yêu cầu bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 04/Ctr-VKS ngày 22/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông truy tố bị cáo Lê Hải N về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hải N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức trình bày ý kiến: Vào khoảng 09 giờ ngày 16/9/2020 Lê Hải N có hành vi trộm cắp của gia đình anh Lương Văn Đ và chị Lăng Thị H, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupite biển kiểm soát 12T1-8044 có giá trị là 5.167.000 đồng và số tiền 130.000 đồng Tổng số tiền trộm cắp là 5.297.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Hải N đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp*

tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Hải N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hải N từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Xử lý vật chứng: áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS; khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupite màu đen bạc biển kiểm soát 12T1- 8044, 01 tua vít hình chữ " T" bằng kim loại màu trắng dài 10 cm, 01 dao rựa cán bằng tre dài 45cm cho chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự**:** bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên không yêu cầu bồi thường nên không đề cập xử lý.

Bị cáo Lê Hải N không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 09 giờ ngày 16/9/2020, tại bon Đ, xã Qu, huyện T; sau khi quan sát thấy nhà anh Lương Văn Đ và chị Lăng Thị H đóng cửa, không có người trông coi nên Lê Hải N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản; N đi vào nhà, nhặt lấy 01 con dao rựa, dùng dao khoét 01 lỗ trên cánh cửa tôn nhà bếp, mở chốt cửa và đi vào bên trong nhà; N lấy 130.000 đồng để trong chiếc giỏ xách của chị H và dùng tua vít để phá ổ khóa xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 12T1- 8044, dắt xe ngoài rồi điều khiển xe vào Bản N, xã Đ cầm cho ông Giàng A D lấy số tiền 1.200.000 đồng và mua ma túy sử dụng. Sau đó, N tiếp tục bán cho anh Nguyễn Văn H chiếc xe trên với giá 2.000.000 đồng; N trả cho anh Dia 1.300.000 đồng còn lại 700.000 đồng, N tiếp tục mua ma túy về sử dụng hết.

Vì vậy, có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Lê Hải N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức là có căn cứ pháp luật.

- Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lê Hải N là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ; động cơ, mục đích mà bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là để thỏa mãn hành vi sử chất ma túy làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương; bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, do ý thức coi thường pháp luật nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt đủ nghiêm thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Kết hợp tình tiết giảm nhẹ nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupite màu đen bạc biển kiểm soát 12T1- 8044, 01 tua vít hình chữ " T" bằng kim loại màu trắng dài 10 cm, 01 dao rựa cán bằng tre dài 45cm là tài sản hợp pháp của anh Lương Văn Đ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo N có được từ việc bán xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupite, biển kiểm soát 12T1- 8044 cho anh Nguyễn Văn H; tại cơ quan điều tra, anh H có đơn không yêu cầu bồi thường, do đó, số tiền 2.000.000 đồng là số tiền mà bị cáo thu lợi do hành vi phạm tội mà có, nên cần truy thu để sung quỹ nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên không yêu cầu bồi thường nên không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án: xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có hoàn cảnh kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố bị cáo Lê Hải N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hải N 09 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupite bạc biển kiểm soát 12T1-8044, 01 tua vít hình chữ " T" bằng kim loại màu trắng dài 10 cm, 01 dao rựa cán bằng tre dài 45cm cho anh Lương Văn Đ.

Truy thu bị cáo Lê Hải N 2.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Hải N.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; người có quyền và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đăk Nông;
- Phòng PC 06, PC 10 - CA tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện T;
- CA huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Phan Quang Trung